

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 248/2024/DS - ST

Ngày: 07/9/2024.

V/v: *Tranh chấp về thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.

2. Ông Trương Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2022/TLST - DS ngày 01 tháng 07 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Văn Ú** - Sinh năm: 1966; địa chỉ: **0 ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thụy Thùy V** - Sinh năm: 1974; địa chỉ: **F khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, có mặt.**

* *Bị đơn:*

- Ông **Ngô Văn T** - Sinh năm: 1952; địa chỉ: **ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

- Anh **Ngô Tấn Q** - Sinh năm: 1988; cùng địa chỉ: **ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Ngô Văn T**, anh **Ngô Tấn Q**: Ông **Lê Văn M** - Sinh năm: 1944, địa chỉ: **số I đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Ngô Thị M1** - Sinh năm: 1943; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông **Ngô Văn M2** - Sinh năm: 1955; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Ngô Văn M2**: Bà **Lê Thụy Thùy V** - Sinh năm: 1974; địa chỉ: **F khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, có mặt.

- Ông **Ngô Văn T1** - Sinh năm: 1955; địa chỉ: **ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Ngô Văn T1**: Ông **Lê Văn M** - Sinh năm: 1944, địa chỉ: **số I đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**, có mặt.

- Ông **Ngô T2 (V1) H** (Sinh năm: 1938 mất năm: 1998).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **H**:

+ Chị **Ngô Thị Bích V2** - Sinh năm: 1979; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà **Ngô Thị Minh H1** - Sinh năm: 1981; địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà **Ngô Thị Đ** - Sinh năm: 1983; cùng địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà **Ngô Thị T3** - Sinh năm: 1985; địa chỉ: **ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông **Ngô Văn M3** - Sinh năm: 1987; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông **Ngô Văn C** - Sinh năm: 1991; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị L** (vợ ông **H**) - Sinh năm: 1948; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông **Ngô Tuấn A** (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Tuấn A**:

+ Ông **Ngô Gia S** - Sinh năm: 1964; địa chỉ: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Lê Thị Tuyết M4 - Sinh năm: 1961, địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, có mặt.

+ Ông Ngô Hồng M5 - Sinh năm: 1967; địa chỉ: ấp .Ghò An, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị Hoa L1 - Sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị S1 - Sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông Ngô Sĩ L2 - Sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T4 - Sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Ngô Thị Ánh L3 - Sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Ông Phùng Văn C1 - Sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông Trần Văn T5 (con bà M1) - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thụy Thùy V trình bày:

Bà Phan Thị A1 (chết năm: 2011) có chồng là ông Ngô Văn L4 (chết năm: 1987), cha mẹ bà A và ông L4 chết trước đó đã lâu. Ông bà không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi. Có chung các con ruột gồm:

- Bà Ngô Thị M1 - Sinh năm: 1943;

- Ông Ngô Văn T - Sinh năm: 1952;

- Ông Ngô Văn T6, đã chết - không còn vợ con.

- Ông Ngô Văn T1 - Sinh năm: 1955;

- Ông Ngô Văn M2 - Sinh năm: 1955;

- Ông Ngô Văn Ú - Sinh năm: 1966;

- Ông Ngô Văn H2 (Sinh năm: 1938 mất năm: 1998). Ông H2 có vợ là bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1948 và có các con gồm:

+ Chị Ngô Thị Bích V2 - Sinh năm: 1979;

- + Bà **Ngô Thị Minh H1** - Sinh năm: 1981;
- + Bà **Ngô Thị Đ** - Sinh năm: 1983;
- + Bà **Ngô Thị T3** - Sinh năm: 1985;
- + Ông **Ngô Văn M3** - Sinh năm: 1987;
- + Ông **Ngô Văn C** - Sinh năm: 1991, (bị bệnh);

Ngoài ra, ông **L4** và người vợ trước có một người con là ông **Ngô Tuấn A** (đã chết). Ông **Ngô Tuấn A** có các con gồm:

- + Ông **Ngô Gia S** - Sinh năm: 1964;
- + Ông **Ngô Hồng M5** - Sinh năm: 1967;
- + Bà **Ngô Thị Hoa L1** - Sinh năm: 1971;
- + Bà **Ngô Thị S1** - Sinh năm: 1978;
- + Ông **Ngô Sĩ L2** - Sinh năm: 1982;

Sau khi ông **L4** chết thì bà **Phan Thị A1** đứng tên các thửa đất gồm:

- Thửa 756, 757 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 57 tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

- Thửa 822 tờ bản đồ số 05 (nay là các thửa 95, 507, 508, 67, 509 tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

Các thửa đất này có nguồn gốc là của cha mẹ ông **L4** cho. Sau khi ông **L4** chết thì các con đồng ý việc bà A đứng tên, canh tác, quản lý. Năm 2011, khi bà A chết thì bà không có để lại di chúc.

Qua đo đạc thửa 756, 757 nay là thửa 57 có diện tích 1.636,7m².

Thửa 95 có diện tích 183,5m² + 119m² + 23,9m² (lệch ranh) = 326,4m².

Thửa 507 có diện tích 10,1m² + 10,5m² + 10,5m² = 31,1m².

Thửa 508 (khu mộ) diện tích 99,6m².

Thửa 67 có diện tích 210,3m² (khu mộ) + 201m² + thửa 509 (diện tích 54,8m²) = 475,1m².

Do bà A chết không để lại di chúc. Do vậy, ông **Ngô Văn Ú** yêu cầu chia thừa kế đối với các phần đất nói trên. Do thửa 57 liền kề với thửa 69 của ông **Ngô Văn Ú** nên ông yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của bà A (1/7) tại vị trí đo đạc có ký hiệu là 57 tách 2 diện tích 291,3m².

Đối với các tài sản (nhà, cây trồng) và diện tích đất khác thì các hàng thừa kế còn lại nhận. Ông **Ú** cũng không yêu cầu các thừa kế khác hoàn trả lại giá trị diện tích chênh lệch. Đối với số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng khi mở rộng **Quốc lộ E** thì ông **Ú** đã được nhận 20.000.000đồng.

Do phần diện tích này không đủ diện tích tách thửa nên ông **Ú** yêu cầu nhận chung với kỹ phần thửa kế (1/7) của ông **Ngô Văn M2**.

*Trong đơn phân tố và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn (ông **T**) và người đại diện là ông **Lê Văn M** trình bày:*

Phía bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về hàng thửa kế cũng như tài sản mà bà **Phan Thị A1** chết để lại.

Do tại thời điểm bà A chết thì bà không có để lại di chúc nhưng có để lại tài sản là các phần đất nói trên. Phía bị đơn là ông **T** cũng đồng ý việc chia thửa kế là các phần đất mà bà A chết để lại cho nguyên đơn là ông **Ngô Văn Ú** và đồng ý việc ông **Ú** nhận tài sản là thửa 57 tách 2 diện tích 291,3m². Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn bồi thường gì.

Ông **Ngô Văn T** đồng ý việc ông **Ngô Gia S** (con ông **Ngô Tuấn A**) nhận phần đất thuộc thửa 95 tách diện tích 183,5m² và thửa 507 tách 1 diện tích 10,1m² vì phần đất này bà A đã cho ông **S** khi bà còn sống.

Ông **Ngô Văn T** đồng ý việc bà **Ngô Thị M1** nhận phần đất thuộc thửa 95 còn lại diện tích 119m², phần lệch ranh với thửa 68 (của ông **Nguyễn Văn T4**) diện tích 23,9m² và thửa 507 tách 2 diện tích 10,5m² vì phần đất này bà A đã cho bà **M1** khi bà còn sống.

Ông **Ngô Văn T** yêu cầu được nhận toàn bộ các thửa đất còn lại theo biên bản hòa giải thành ngày 08/10/2020 của **UBND xã L** gồm:

- Thửa đất ký hiệu 57 còn lại diện tích 1.085,1m², thửa đất 57 tách 3 diện tích 240,5m², thửa đất 57 tách 1 diện tích 19,7m² thuộc một phần thửa 57 tờ bản đồ số 28 **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre** do bà **Phan Thị A1** đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối với căn nhà trên thửa 57 thì ông sống từ nhỏ với bà A, cũng do ông có công trong việc xây nhà nên ông yêu cầu được nhận căn nhà này.

- Phần đất thửa 67 gồm (67 tách 1 diện tích 291m² và 67 còn lại diện tích 210,3m²) tờ bản đồ số 28 **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre** do bà **Phan Thị A1** đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần đất thửa 509 diện tích 54,8m² tờ bản đồ số 28 **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre** do ông **Phùng Văn C1** và bà **Ngô Thị Ánh L3** đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần đất thửa 508 diện tích 99,6m² tờ bản đồ số 28 **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre** do bà **Phan Thị A1** đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần đất thửa 507 tách còn lại diện tích 10,5m² thuộc một phần thửa 507 tờ bản đồ số 28 xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phan Thị A1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước đây ông T có đồng ý việc ông Ngô Văn M2 sẽ nhận 1 kỷ phần thừa kế của bà Phạm Thị A2. Tuy nhiên, do lúc này ông T bị bệnh, không nhớ gì về việc hòa giải năm 2020 nên mới đồng ý như vậy. Sau này ông T tìm được biên bản hòa giải này nên bị đơn làm đơn phản tố bổ sung với yêu cầu như trên.

Theo ông được biết thì sau khi hòa giải năm 2020 thì ông T bị tai biến mạch máu não (bị 03 lần liên tục), sau đó do dịch bệnh C2 nên ông T không đi làm thủ tục sang tên thừa kế được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn (ông Q) và đại diện là ông Lê Văn M trình bày:

Ông Quốc sống chung với ông T. Mặc dù là bị đơn trong vụ án nhưng ông Q không có yêu cầu gì cho ông. Các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của ông Q thì sẽ giao lại cho ông T.

Trong đơn yêu cầu độc lập, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông M2) và đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thụy Thùy V trình bày:

Ông M2 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế cũng như tài sản mà bà Phan Thị A1 chết để lại.

Trong đơn yêu cầu độc lập ông M2 yêu cầu được nhận 01 kỷ phần thừa kế của bà A. Phần mà ông yêu cầu được nhận là thửa đất được ký hiệu 57 tách 2 diện tích 240,5m² và 57 tách 1 diện tích 19,7m². Tổng diện tích là 260,2m².

Tại phiên tòa, người đại diện là bà Lê Thụy Thùy V chỉ yêu cầu nhận tài sản thừa kế là phần đất được ký hiệu 57 tách 2 diện tích 240,5m².

Đối với các tài sản (nhà, cây trồng) và diện tích đất khác thì các hàng thừa kế còn lại nhận. Ông M2 cũng không yêu cầu các thừa kế khác hoàn trả lại giá trị diện tích chênh lệch. Do phần diện tích này không đủ diện tích tách thửa nên ông M2 yêu cầu nhận chung với ông thừa kế của ông Ú.

Năm 2020, ông T có nhận 137.853.000đồng tiền đền bù, giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng quốc lộ E. Do vậy, ông M2 yêu cầu ông T giao lại 1/7 số tiền này là 19.000.000đồng.

Đối với biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 ông M2 có ý kiến là cho lại ông T số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng quốc lộ E và đất của bà A thì đây là việc tặng cho có điều kiện. Điều kiện là ông T phải sang tên phần đất này

cho ông **Ú**. Tuy nhiên, cho đến nay thì ông **T** không thực hiện nên ông **M2** thay đổi ý kiến, không tặng cho nữa.

Đồng thời biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 chỉ là ý kiến của ông **M2** chứ không phải là ông **M2** từ chối nhận di sản của bà A vì nếu như từ chối thì phải lập văn bản theo quy định của pháp luật.

Trong đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà **M1**) trình bày:

Bà **M1** đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế cũng như tài sản mà bà A chết để lại.

Khi còn sống bà A có cho bà phần đất qua đo đạc thuộc một phần thửa 95 có diện tích $119m^2 + 23,9m^2$ (lệch ranh với thửa 68 của ông **Nguyễn Văn T4**) và thửa 507 tách 2 có diện tích $10,5m^2$. Tổng cộng là $153,4m^2$.

Trong vụ án này bà **M1** yêu cầu được nhận 01 kỷ phần thừa kế của bà A. Phần mà bà yêu cầu được nhận là phần diện tích $153,4m^2$ nói trên. Trên đất đang có căn nhà của con trai là bà anh **Trần Văn T5**. Trường hợp bà có được nhận thêm gì khác thì bà cho lại ông **T**.

Đối với các tài sản (nhà, cây trồng) và diện tích đất khác thì các hàng thừa kế còn lại nhận. Trường hợp kỷ phần thừa kế của bà mà có còn dư thì bà cho lại cho ông **Ngô Văn T** vì ông **T** chưa được bà A cho đất và ông sống với bà A, chăm sóc bà A lúc tuổi già.

Năm 2020, **UBND xã L** có hòa giải về tiền đền bù, giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng **quốc lộ E** là 137.853.000đồng. Đối với số tiền này thì bà không yêu cầu nhận, bà đã cho lại cho ông **T**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông **T1**) là ông **Lê Văn M** trình bày:

Ông **T1** đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế cũng như tài sản mà bà A chết để lại.

Trong vụ án này ông **T1** không có yêu cầu gì. Trường hợp ông **T1** được nhận tài sản gì từ việc chia thừa kế của bà A thì ông cho kỷ phần này lại cho ông **T** vì ông **T** sống với bà A, chăm sóc bà A lúc tuổi già.

Trong đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông **S**) là bà **Lê Thị Tuyết M4** trình bày:

Ông **S** là con ruột của ông **Ngô Tuấn A**. Ông **S** đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế cũng như tài sản mà bà A chết để lại.

Khi còn sống bà A có cho ông S phần đất qua đo đạc thuộc thửa 95 tách diện tích 183,5m² và thửa 507 tách 1 diện tích 10,1m² cùng tờ bản đồ số 28 xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị A2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất này có căn nhà của ông xây.

Trong vụ án này ông S yêu cầu được nhận phần diện tích đất nói trên. Phần mà ông yêu cầu được nhận có căn nhà của ông. Trường hợp bà có được nhận thêm gì khác thì bà cho lại ông T.

Đối với các tài sản (nhà, cây trồng) và diện tích đất khác ông không yêu cầu gì. Các hàng thừa kế còn lại tự tranh chấp, ông không yêu cầu, không liên quan.

Năm 2020, UBND xã L có hòa giải về tiền đền bù, giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng quốc lộ E là 137.853.000đồng. Đối với số tiền này thì ông không yêu cầu nhận, ông S đã cho lại cho ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông M5, bà L1, bà S1, ông L2) trình bày:

Các ông bà là con ruột của ông Ngô Tuấn A. Trong vụ án này các ông bà không có yêu cầu gì và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà L, bà T3, bà Đ, bà V, bà H1, ông M3) trình bày:

Bà L là vợ ông Ngô Văn H2, các ông bà T3, Đ, V, H1, M3 là con ruột của ông H2. Trong vụ án này các ông bà không có yêu cầu gì và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông C) trình bày:

Ông C là con ruột của ông H2. Trong quá trình giải quyết vụ án ông C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà L3, ông C1) trình bày:

Ông Phùng Văn C1 là chồng bà Ngô Thị Ánh L3 (bà L3 là con ruột ông Ngô Văn T). Khoảng năm 2000, ông C1, bà L3 có mua của bà Phan Thị A1 phần đất hiện nay là một phần thửa 509 tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Sau đó vài năm thì ông bà bán phần đất này lại cho ông Ngô Văn M2. Sau đó ông M2 bán lại cho ông Ngô Văn T1. Ông T1 bán lại cho ông Nguyễn Văn T4 và ông T4 đã được đứng tên đối với phần đất này. Việc bán đất có kèm đổi đất với bà A để bà bán đất cho ông T4.

Nay ông C1, bà L3 xác định phần đất của ông bà đã bán hết rồi. Nếu còn là có thể do đo đạc bị lệch ranh với đất bà Phan Thị A1. Phần còn lại này là của bà A chứ không phải của ông bà. Do ông bà không liên quan nên không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông T5) trình bày:

Ông là con của bà Ngô Thị M1. Trước đây bà M1 có cho ông cất nhà trên phần đất thừa 95 còn lại nơi giáp với ông Nguyễn Văn T4. Riêng căn nhà thì giữa ông và bà M1 sẽ tự thỏa thuận. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn T4) trình bày:

Ông T4 đứng tên thửa 68 tờ bản đồ số 28 xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất này ông mua lại từ bà A và gia đình bà A. Ông đồng ý kết quả đo đạc là thửa đất này chỉ có 335,7m².

Đối với thửa 509 và thửa 67 tách thì ông đang quản lý, phần đất này ông thuê của ông T. Thời gian thuê là 10 năm, giá thuê là 100.000.000đồng (đã giao tiền xong). Đến nay thì thời gian thuê còn lại là 5 năm. Trước đây phần đất này thấp, nhiều mương nên ông phải bơm cát, nâng nền để cấy giống.

Nay ông yêu cầu được tiếp tục thuê đất đến hết hợp đồng. Trường hợp phần đất này không được thuê nữa và ông phải trả lại đất thì ông đề nghị ông T trả lại cho ông số tiền thuê đất còn lại và chi phí bơm cát là 70.000.000đồng.

Các đương sự đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản đối với phần đất tranh chấp mà không yêu cầu xem xét thẩm định, định giá lại.

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Gia S, bà Ngô Thị M1.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Văn M2**.

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Văn M2** đối với việc tại phiên tòa ông rút một phần số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng **quốc lộ E** và một phần thửa đất được ký hiệu 57 tách 1 diện tích 19,7m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn khởi kiện, bị đơn có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nhân thân của bà A: Trong hồ sơ có một số giấy tờ thể hiện A họ Phạm và cũng có một số giấy tờ thể hiện bà A họ Phan. Qua đối chiếu số Chứng minh nhân dân (320066123) trong sổ hộ khẩu, giấy chứng tử và các giấy tờ đất, hợp đồng chuyển nhượng có chứng thực chữ ký của bà A trong vụ án là giống nhau. Từ đó xác định bà **Phạm Thị A2** và **Phan Thị A 1** cùng 01 người.

Về hàng thừa kế của bà **P (Phan)**: Các đương sự thống nhất bà A có các con gồm:

Ông **Ngô Văn T**, ông **Ngô Văn Ú**, ông **Ngô Văn T1**, ông **Ngô Văn M2**, bà **Ngô Thị M1**, ông **Ngô Văn H2**, ông **Ngô Văn T6** (chết - không còn vợ con).

Đối với ông **T6**, ghi nhận việc các đương sự thống nhất ông **T6** đã chết, không còn hàng thừa kế để tham gia tố tụng.

Đối với ông **Ngô Văn H2**, do đã chết nên việc xác định hàng thừa kế của ông **H2** là vợ và các con ông là bà **L**, bà **V**, bà **H1**, bà **Đ**, bà **T3**, ông **M3**, ông **C** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Đối với ông **Ngô Tuấn A** (con của ông **L4** - với người vợ trước) mặc dù ông **Tuấn A** không phải là con của bà A nhưng theo như lời trình bày của các đương sự khác thì giữa 02 người vẫn có mối quan hệ mẹ con, quan tâm lẫn nhau. Do ông

Tuấn A và vợ đã chết nên việc xác định các con của ông là các ông bà Ngô Gia S, Ngô Hồng M5, Ngô Thị Hoa L1, Ngô Thị S1, Ngô Sĩ L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự.

Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định ông Ngô Văn M3 (con của ông Ngô Văn H2 - đã chết) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã làm việc với ông M3 và ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Tuy nhiên, do sai sót trong việc phát hành văn bản nên Tòa án đã không mời ông tham gia tố tụng ở giai đoạn sau. Tại biên bản làm việc ngày 12/8/2024 ông đã được thông báo các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án và được giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình. Do ông không có yêu cầu gì nên ông không đề nghị hoãn hay tạm dừng phiên tòa, ông đồng ý với kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà Tòa án đã tổ chức. Đối với các đương sự khác trong vụ án cũng đồng ý mà không có ý kiến gì về nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa xác định vợ và người con út của ông Ngô Văn H2 là bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau đó các đương sự này đã được thông báo về việc tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đã được thông báo các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án và được giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với các đương sự khác trong vụ án cũng đồng ý mà không có ý kiến gì về nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

Đối với ông Ngô Văn C, ông là nạn nhân chất độc da cam, hiện tại sức khỏe không tốt. Các đương sự trong vụ án đã được giải thích về việc yêu cầu tuyên bố ông C mất năng lực hành vi dân sự nhưng các đương sự không có yêu cầu về nội dung này. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết theo trình tự, thủ tục chung đối với ông C là phù hợp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) Ngô Thị M1, Trần Văn T5 (con bà M1), Nguyễn Văn T4, Phùng Văn C1, Nguyễn Thị L, Ngô Thị Bích V2, Ngô Thị Minh H1, Ngô Thị Đ, Ngô Thị T3, Ngô Văn M3, Ngô Hồng M5, Ngô Thị Hoa L1, Ngô Thị S1, Ngô Sĩ L2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn C đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt ông C này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các đương sự tranh chấp về thừa kế đối với tài sản do bà A để lại, qua xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản xác định như sau:

Đối với thửa 756, 757 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 57 tờ bản đồ số 28) xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre:

Phần ông Ngô Văn Ú yêu cầu nhận: Thuộc thửa 57 tách 2 diện tích 291,3m² trên đất có tài sản như sau:

Nhà lưới do ông Q xây dựng: Khung sắt, bên trên kéo lưới đen (di dời được).

Hàng rào: Cột bê tông cốt thép chôn chân, kéo lưới B40, hàng rào dài 10m, cao 1,8m, diện tích 18m². Tỷ lệ chất lượng còn lại là 95%.

01 cây xoài loại 2.

01 cây bưởi loại 1.

Một số cây bông, kiếng trong chậu (di dời được)

Hệ thống tưới cây (di dời được).

Ông Q cho rằng có bom cát tại phần đất ông Ú yêu cầu nhận.

Phần ông Ngô Văn M2 yêu cầu nhận: Thuộc thửa 57 tách 3 diện tích 240,5m² và thửa 57 tách 1 diện tích 19,7m², tổng diện tích 260,2m². Trên đất có tài sản như sau:

Một số cây bông, kiếng trong chậu (di dời được), Hệ thống tưới cây (di dời được).

Phần còn lại của thửa 57: Diện tích 1.085,2m² (có 289m² thổ cư). Trên đất có tài sản như sau:

Nhà chính: Khung cột bê tông cốt thép, kèo thép, vách gỗ và tole kết hợp xây tường, nền lót gạch tàu, mái lợp tole tráng kẽm, không trần. Diện tích 100m². Tỷ lệ chất lượng còn lại là 70%.

Ngoài ra còn vách tole cách é n che tạm bên hông nhà chính (di dời được).

Nhà phụ 1: Khung thép, không vách, nền láng xi măng, mái lợp tole firo xi măng, không trần. Diện tích 43,4m². Tỷ lệ chất lượng còn lại là 70%.

Nhà phụ 2: Khung thép, vách xây gạch chưa tô, nền láng gạch Ceramic, mái lợp tole tráng kẽm, không trần. Diện tích 12m². Tỷ lệ chất lượng còn lại là 80%.

Hàng rào xung quanh đất: Cột bê tông cốt thép chôn chân, kéo lưới B40. Tỷ lệ chất lượng còn lại là 95%.

Trên đất có để một số cây bông, kiếng trong chậu (di dời được), Hệ thống tưới cây (di dời được).

Đối với thửa 822 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa 95, 507, 508, 67, 509, 68 (đã chuyển nhượng cho ông T4)) tờ bản đồ số 28) xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre:

Phần ông **Ngô Gia S** yêu cầu được nhận: Thửa 95 tách diện tích 183,5m² và thửa 507 tách 1 diện tích 10,1m². Trên đất có tài sản như sau:

Nhà của ông **S**: Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền lót gạch Ceramic, tường xây gạch, đã tô, chưa sơn, mái toole tráng kẽm, trần nhựa, nhà xây dựng năm 2015. Nhà được xây dựng hết đất.

Phần bà **Ngô Thị M1** yêu cầu được nhận: Thửa 95 còn lại diện tích 119m², thửa 507 tách 2 diện tích 10,5m² và thửa 68 tách diện tích 23,9m² (phần lệch ranh với ông **Nguyễn Văn T4**). Trên đất có tài sản như sau:

Nhà của ông **T5** (con bà **M1**): Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền lót gạch tàu, tường xây gạch chưa tô, mái toole thiết, nhà xây dựng năm 2015. Phần còn lại của đất làm lối đi vào nhà của bà **M1** ở thửa đất phía sau.

Thửa 507 còn lại diện tích 10,5m²: Hiện trạng là khu mộ.

Thửa 508 diện tích 99,6m²: Hiện trạng là khu mộ.

Thửa 67 còn lại diện tích 210,3m²: Hiện trạng là khu mộ.

Thửa 67 tách diện tích 291m²: Hiện trạng là đất trống, đã bom cát để cây giống.

Thửa 509 diện tích 54,8m²: Hiện trạng là đất trống, đã bom cát để cây giống.

Tổng diện tích đất (không tính phần mộ) là **2.329,5m²**.

Tổng diện tích đất có mộ là **320,4m²**.

Giá trị phần đất tranh chấp là: Đất thổ cư: 6.000.000đồng/m²; đất nông nghiệp: 5.000.000đồng/m².

Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn là ông **Ngô Văn Ú** yêu cầu nhận thừa kế phần đất thửa 57 tách 2 diện tích 291,3m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Văn M2** yêu cầu nhận thừa kế phần đất thửa 57 tách 2 diện tích 240,5m² và yêu cầu ông **T** giao cho ông **1** số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng **quốc lộ E** là 19.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Ngô Thị M1** yêu cầu nhận thừa kế phần đất thửa 95 còn lại diện tích 119m², thửa 507 tách 2 diện tích 10,5m² và thửa 68 tách diện tích 23,9m² (phần lệch ranh với ông **Nguyễn Văn T4**).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Gia S** yêu cầu được nhận: Thửa 95 tách diện tích 183,5m² và thửa 507 tách 1 diện tích 10,1m²

Bị đơn là ông **Ngô Văn T** đồng ý với yêu cầu của ông **Ú**, bà **M1**, ông **S**. Ông **T** không đồng ý với yêu cầu của ông **M2**. Ông **T** không đồng ý chia thừa kế cho ông **M2**. Ông **T** yêu cầu nhận phần đất thửa 57 còn lại diện tích 1.085,1m², 57 tách

3 diện tích 240,5m², 57 tách 1 diện tích 19,7m²; thửa 67 gồm (67 tách 1 diện tích 291m² và 67 còn lại diện tích 210,3m²); thửa 509 diện tích 54,8m² (phần lệch ranh do ông C1, bà L3 đứng tên), thửa 508 diện tích 99,6m²; thửa 507 tách còn lại diện tích 10,5m².

Đối với các đương sự khác gồm các ông (bà) Ngô Văn T1, Trần Văn T5 (con bà M1), Nguyễn Văn T4, Ngô Thị Ánh L3, Phùng Văn C1, Nguyễn Thị L, Ngô Thị Bích V2, Ngô Thị Minh H1, Ngô Thị Đ, Ngô Thị T3, Ngô Văn M3, Ngô Văn C, Ngô Hồng M5, Ngô Thị Hoa L1, Ngô Thị S1, Ngô Sĩ L2, Ngô Tấn Q không có yêu cầu gì liên quan đến thừa kế.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tài sản của bà A (không tính phần đất có mộ) là 2.329,5m². Do bà A chết không để lại di chúc, hàng thừa kế của bà A có 07 người nên trường hợp phải chia theo pháp luật thì diện tích mỗi kỹ phần là **291,1m²**.

Đối với thửa 509 diện tích 54,8m² trong hồ sơ thừa đất thể hiện là của ông Phùng Văn C1 và bà Nguyễn Thị Kim L5. Do ông C1 và bà L5 thống nhất khu vực này không còn đất của ông bà mà chỉ còn đất của bà A. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thửa 509 diện tích 54,8m² là của bà A để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Đối với thửa 68 tách diện tích 23,9m² (phần lệch ranh với ông Nguyễn Văn T4). Trong quá trình đo đạc các bên đã xác định lại ranh đất và xác định đây là đất của bà A. Do vậy, Hội đồng xét xử xác phần diện tích 23,9m² là của bà A để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu nhận thừa kế phần đất thửa 57 tách 2 diện tích 291,3m² đất nông nghiệp thì bị đơn và các thừa kế khác cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ghi nhận việc bị đơn không yêu cầu nguyên đơn bồi thường gì và đồng ý di dời cây trồng, công trình ra khỏi đất.

Đối với yêu cầu của ông Ngô Gia S, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Ngô Gia S yêu cầu được nhận thửa 95 tách diện tích 183,5m² và thửa 507 tách 1 diện tích 10,1m². Tổng diện tích là 193,6m² (ít hơn 97,5m²). Trên đất có tài sản là căn nhà của ông S.

Các đương sự thống nhất phần đất ông được bà A cho khi còn sống. Các đương sự cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông S và không có ý kiến việc ông S xây nhà trên phần đất này nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận việc ông S đồng ý cho lại cho ông T phần diện tích chênh lệch.

Đối với yêu cầu của bà **Ngô Thị M1**, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà **Ngô Thị M1** yêu cầu nhận thừa kế phần đất thửa 95 còn lại diện tích 119m², thửa 507 tách 2 diện tích 10,5m² và thửa 68 tách diện tích 23,9m² (phần lệch ranh với ông **Nguyễn Văn T4**). Tổng diện tích là 153,4m² (ít hơn 137,7m²).

Các đương sự thống nhất phần đất này bà A đã cho mà Me quản lý khi còn sống. Các đương sự cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà và không có ý kiến về việc ông **T5** xây nhà trên phần đất này nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận việc bà **M1** đồng ý cho lại cho ông **T** phần diện tích chênh lệch.

Đối với yêu cầu của ông **Ngô Văn M2**, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, phía ông **M2** rút lại một phần yêu cầu độc lập là số tiền 3.975.500đồng đền bù giải phóng mặt bằng và diện tích phần đất ký hiệu thửa 57 tách 1 diện tích 19,7m². Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông nên cần đình chỉ.

Ông **Ngô Văn M2** yêu cầu nhận thừa kế phần đất thửa 57 tách 2 diện tích 240,5m² và yêu cầu ông **T** giao cho ông **1** số tiền đền bù giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng **quốc lộ E** là 19.000.000đồng nhưng bị đơn không đồng ý. Bị đơn cho rằng ông **M2** đã từ chối nhận di sản theo biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 của **UBND xã L**.

Hội đồng xét xử xét thấy, Biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 của **UBND xã L** là sự thỏa thuận của các hàng thừa kế của bà A. Trong đó, ngoại trừ ông **Ú** thì các hàng thừa kế khác từ chối nhận tài sản và đồng ý cho lại cho ông **T** đất và tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

Trong biên bản này còn thiếu một số hàng thừa kế của bà A. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các hàng thừa kế vắng mặt này cũng xác định không liên quan và không có ý kiến gì khác. Do vậy, việc những người này không ký tên vào biên bản cũng không ảnh hưởng đến kết quả hòa giải ngày 08/10/2020.

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 của **UBND xã L** thì ông **M2** đã từ chối nhận kỹ phần thừa kế của mình. Tại phiên tòa, phía ông **M2** cho rằng đây là tặng cho có điều kiện nhưng không chứng minh được. Do vậy, việc ông yêu cầu nhận lại tài sản là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của ông **Ngô Văn T**: Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài ông **M2** không được Hội đồng xét xử chấp nhận chia thừa kế thì các đương sự như ông **Ú**, bà **M1**, ông **S** đã được nhận tài sản, còn các đương sự khác thì từ chối nhận và đồng ý để ông **T** nhận các tài sản này.

Do vậy, việc ông **T** yêu cầu nhận các tài sản còn lại là phần đất thửa 57 còn lại diện tích 1.085,1m² (có 289m² thổ cư), 57 tách 3 diện tích 240,5m², 57 tách 1

diện tích 19,7m²; thửa 67 gồm (67 tách 1 diện tích 291m² và 67 còn lại diện tích 210,3m²); thửa 509 diện tích 54,8m² (phần lệch ranh do ông C1, bà L5 đứng tên), thửa 508 diện tích 99,6m²; thửa 507 tách còn lại diện tích 10,5m² là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với căn nhà trên phần đất ký hiệu thửa 57 còn lại diện tích 1.085,1m² (có 289m² thổ cư) thì các đương sự không tranh chấp và đồng ý để bị đơn tiếp tục quản lý nên ghi nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn T4: Hiện tại ông đang quản lý phần đất ký hiệu thửa 67 tách 1 diện tích 291m², thửa 509 diện tích 54,8m² (phần lệch ranh do ông C1, bà L5 đứng tên), tổng diện tích là: 345,8m². Việc ông quản lý đất là thuê từ ông T. Tại thời điểm thỏa thuận chưa có sự đồng ý của các thừa kế khác. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T4 có ý kiến tiếp tục thuê đất. Theo kết quả phân chia tài sản thì ông T là người nhận phần đất này và ông cũng đồng ý việc ông T tiếp tục thuê đất mà không tranh chấp.

Do các đương sự không có yêu cầu gì về việc thuê đất của ông T4 nên HĐXX không xem xét giải quyết. trường hợp sau này giữa ông T4 và ông T có tranh chấp về việc thuê đất này sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là cơ bản thống nhất quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn Ú nhận giá trị tài sản là 1.465.500.000đồng nên phải nộp án phí có giá ngạch là 55.695.000đồng.

Ông Ngô Văn M2, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị M1, ông Ngô Gia S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 18.450.000đồng, ông Ú và ông T đã nộp xong. Do ông Ú, ông T, bà M1, ông S là người được nhận tài sản. Ông M2 (có yêu cầu nhưng không được chấp nhận) nên mỗi người phải nộp 1/5 chi phí là 3.690.000đồng.

Ghi nhận việc ông T đồng ý chịu chi phí tố tụng cho ông S, bà M1, ông T đã nộp xong. Buộc M2 phải trả lại cho ông Ú chi phí tố tụng là 3.690.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 123, 131, 500, 501, 502, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 620, 654, 649, 651, 660 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 147, 271, 157, 165, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông **Ngô Văn Ú** việc “*Tranh chấp về thừa kế*”.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông **Ngô Văn T**.

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Văn M2**.

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Văn M2**.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Ngô Gia S**.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Ngô Thị M1**.

2. Các đương sự được nhận tài sản từ việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà **Phạm Thị A2** (**Phan Thị A1**) như sau:

2.1 Chia cho ông **Ngô Văn Ú** phần đất ký hiệu thửa 57 tách 2 diện tích 291,3m² thuộc một phần thửa 57 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**. (Có họa đồ kèm theo).

Buộc ông **Ngô Văn T** và ông **Ngô Tấn Q** phải tháo dỡ, di dời công trình giàn lưới, cây trồng để giao đất cho ông **Ngô Văn Ú**.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu của ông **Ngô Văn M2** về việc yêu cầu ông **T** trả lại số tiền giải phóng mặt bằng từ việc mở rộng **quốc lộ E** là 19.000.000đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông **Ngô Văn M2** về việc yêu cầu được chia thừa kế là phần đất ký hiệu thửa 57 tách 2 diện tích 240,5m² thuộc một phần thửa 57 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại **xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông **Ngô Văn M2** đối với số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 3.975.500đồng và diện tích phần đất ký hiệu thửa 57 tách 1 diện tích 19,7m².

2.3 Chia cho ông **Ngô Gia S** phần đất ký hiệu thửa 95 tách diện tích 183,5m² và thửa 507 tách 1 diện tích 10,1m². Tổng diện tích là 193,6m² thuộc một phần

thửa 95 và một phần thửa 507 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận việc trên phần đất này có căn nhà do ông S xây dựng và các bên không tranh chấp đối với căn nhà này.

2.4 Chia cho bà Ngô Thị M1 phần đất ký hiệu thửa 95 còn lại diện tích 119m², thửa 507 tách 2 diện tích 10,5m² và thửa 68 tách diện tích 23,9m² (phần lệch ranh với ông Nguyễn Văn T4). Tổng diện tích là 153,4m² thuộc một phần thửa 95, một phần thửa 507 và một phần thửa 68 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận việc trên phần đất này có căn nhà do ông T5 (con bà M1) xây dựng và các bên không tranh chấp đối với căn nhà này.

2.5 Chia cho ông Ngô Văn T phần đất ký hiệu: thửa 57 còn lại diện tích 1.085,2m² (có 289m² thổ cư), thửa 57 tách 2 diện tích 240,5m² và 57 tách 1 diện tích 19,7m². Tổng diện tích là 1.345,4m² thuộc một phần thửa 57 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Ông T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và toàn bộ tài sản trên đất.

Chia cho ông Ngô Văn T phần đất ký hiệu thửa 507 còn lại (hiện trạng là khu mộ) diện tích 10,5m² thuộc một phần thửa 507 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Chia cho ông Ngô Văn T phần đất ký hiệu thửa 508 diện tích 99,6m² (hiện trạng là khu mộ) tờ bản đồ 28 tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Chia cho ông Ngô Văn T phần đất ký hiệu thửa 67 còn lại diện tích 210,3m² (hiện trạng là khu mộ) và phần đất ký hiệu thửa 67 tách diện tích 291m² (ông T nhận trọn thửa 67) tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

Chia cho ông Ngô Văn T phần đất ký hiệu thửa 509 diện tích 54,8m² tờ bản đồ 28 tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (phần đất này ông C1, bà L5 xác định là đất của bà A).

3. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên, tách thửa, hợp thửa, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho phù hợp với nội dung bản án đã tuyên.

4. Lý do của việc tách thửa phần đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định: Do tranh chấp về thửa kế nên phần diện tích được nhận có

diện tích nhỏ, trên đất có nhà, công trình mà mỗi người được nhận đã xây dựng trước đó. Đồng thời để giữ lại kỷ niệm về tài sản đối với người đã mất.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Ngô Văn Ú** phải nộp án phí có giá ngạch là 55.695.000đồng (năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.059.000đồng (bảy triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006971 ngày 27/6/2022 và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003263 ngày 06/8/2024. Ông **Ú** phải nộp tiếp 48.336.000đồng (bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí.

Ông **Ngô Văn M2**, ông **Ngô Văn T**, bà **Ngô Thị M1**, ông **Ngô Gia S** là người cao tuổi nên được miễn án phí.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc ông **Ngô Văn M2** phải trả lại cho ông **Ngô Văn Ú** chi phí tố tụng là 3.690.000đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).

7. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Tú

